

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 27/6/ 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ánh Linh;
2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2019/TLST- DS ngày 05/4/2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 14/2019/QĐST-DS ngày 10/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T (Tr), sinh năm 1969, địa chỉ: tổ 18, ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: số T, đường G, khóm Q, phường F, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1980, địa chỉ: số H, tổ 9, khóm T, phường F, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà T có mặt tại phiên tòa, bà D đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà có tham gia chơi

hụi do bà Nguyễn Thị Thùy D làm chủ, bao gồm các dây hụi 200.000 đồng (7 ngày khui một lần), 300.000 đồng (10 ngày khui một lần), mỗi dây bà T tham gia 01 phần, hụi khởi sự ngày nào thì bà không nhớ ngày tháng cụ thể, mà chỉ nhớ khoảng đầu năm 2017. Các dây hụi diễn ra bình thường và bà thực hiện nghĩa vụ châu hụi đầy đủ nhưng nửa chừng thì hụi bẻ.

Đến ngày 03/10/2017 hai bên có gặp nhau và kết sổ thì bà D còn nợ bà tổng cộng số tiền 34.500.000 đồng, khi đó bà D có hứa mỗi tháng trả cho bà 1.000.000 đồng, qua tết nguyên đán năm 2018 bà D trả cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng, khi thực hiện thì bà D chỉ trả được 04 tháng số tiền trả được chỉ có 3.500.000 đồng thì ngưng trả cho đến nay.

Nay bà yêu cầu bà D phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại là 31.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 24/02/2018 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Tại Tờ tường trình ngày 11/4/2019 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/4/2019, bà D trình bày: Bà và bà T (Tr) có cùng nhau chơi hụi nhiều năm, đến đầu năm 2017 (không nhớ ngày tháng) hai bên có thỏa thuận chơi dây hụi tuần 200.000 đồng và dây hụi 10 ngày 300.000 đồng do bà làm chủ.

Lúc đầu các dây hụi khởi sự bình thường, cho đến đầu tháng 10/2017 do có nhiều người không châu hụi cho bà nên không thể khui hụi tiếp, vì vậy bà không có khả năng hoàn trả hụi cho những người cùng chơi đó, nên bà và bà T có cùng nhau kết sổ lại bà còn nợ bà T số tiền tổng cộng 34.500.000 đồng vào ngày 03/10/2017. Khi đó, hai bên thương lượng là bà trả cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng khi thực hiện trả được 04 tháng chỉ được 3.500.000 đồng (mỗi tháng 1.000.000 đồng, tháng thứ tư buôn bán không được nên chỉ trả 500.000 đồng) lúc này chị Tr không đồng ý và có cự cãi với bà, cho nên từ ngày 24/02/2018 cho đến nay không thanh toán nữa.

Bà D thừa nhận còn nợ bà T (Tr) số tiền 31.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, cũng như thu nhập thấp phải nuôi mẹ già và con còn nhỏ nên bà xin trả cho bà T mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản nợ hụi 31.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào nội D hồ sơ nhận thấy bà D còn nợ tiền hội bà T (Tr) 31.000.000 đồng, được bà D xác nhận theo biên nhận nợ hội ngày 03/10/2017 là do bà D viết và ký tên cho bà T. Do hoàn cảnh khó khăn, bà D xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Căn cứ các Điều 280, 471 Bộ luật dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về hội, bị đơn đang cư trú tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Bị đơn là chủ hội các dây hội và nguyên đơn làm hội viên, các dây hội khởi sự nã chừng (tháng 10/2017) thì ngưng do bà D không có khả năng choàng cho các hội viên không châu hội cho bà. Vì vậy ngày 03/10/2017 các bên kết sổ và thỏa thuận sẽ thực hiện việc trả dần, đến ngày 24/02/2018 thì ngưng. Đến ngày 22/3/2019 nguyên đơn khởi kiện, vụ kiện vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

Về nội D:

[3] Hợp đồng góp hội giữa bà D và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội D hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Hội khởi sự nã chừng thì ngưng, do bà D không có khả năng choàng cho các hội viên khác, ngày 03/10/2017 các bên kết sổ bà D còn nợ bà T 34.500.000 đồng, thỏa thuận trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận nợ hội do bà T cung cấp, bà D thực hiện được 04 tháng (được 3.500.000 đồng) thì ngưng. Như vậy cho đến nay bà D còn nợ bà T số tiền 31.000.000 đồng. Xét, bà D làm chủ các dây hội và đã nhận tiền góp hội từ bà T đầy đủ, nhưng không thực hiện thanh toán hội cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó bà T yêu cầu bà D trả nợ hội còn lại 31.000.000 đồng là có căn cứ. Buộc bà D có trách nhiệm trả cho bà T (Tr) số tiền 31.000.000 đồng theo quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu bà D trả lãi đối với số tiền 31.000.000 đồng là có lợi cho bà D, xét chấp nhận.

[6] Bà D có yêu cầu bà T cho bà được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Do đó không có cơ sở chấp nhận việc xin trả dần của bà D.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D phải chịu 1.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà T số tiền 775.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T (Tr);

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thanh T 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

Nếu chậm trả thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 775.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2016/0007928 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T (Tr) có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà D là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc